

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 487/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v Tranh chấp “Ly hôn”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Phó.

2/ Ông Lê Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà Trần Thị Phụng Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Hồ Hữu T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nguyên đơn Hồ Hữu T trình bày:**

Anh T và chị P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương vào năm 2010. Sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không thể hòa hợp, anh chị có nhiều lần tự hàn gắn nhưng không thành. Hiện vợ chồng còn chung sống trong nhà nhưng đã ly thân khoảng 01 năm nay, không còn sinh hoạt chung và ít nói chuyện với nhau. Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị P nên yêu cầu ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Thanh T1 sinh ngày 29/10/2010 và Hồ Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 09/11/2018, anh T yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Có tài sản chung là 70.000.000 đồng, đồng ý chia cho chị P 35.000.000 đồng

Về nợ chung: anh T trình bày không có.

** Theo bị đơn Nguyễn Thị Thu P trình bày:*

Chị P thống nhất với anh T về quá trình kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do trong quá trình chung sống anh T thay đổi tính tình. Từ năm 2020 thì anh T không còn chăm lo cho gia đình, không chịu đi làm, chỉ làm 3-4 ngày/tuần, thường đi chơi nhậu nhẹt và có tình cảm với người con gái khác bên ngoài nên cuộc sống không hạnh phúc, ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị P thống nhất với lời trình bày của anh T có 02 con chung, khi ly hôn chị P yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: chị P thống nhất với lời trình bày của anh T tài sản chung là 70.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh T chia cho chị là 35.000.000 đồng.

Về nợ chung: chị P trình bày không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn Hồ Hữu T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Thu P. Về con chung anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh T đồng ý giao cho chị P 35.000.000đ. Về nợ chung anh T trình bày không có.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu P đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu Hồ Nguyễn Thanh T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị P yêu cầu anh T chia cho chị 35.000.000đ. Về nợ chung chị P trình bày không có.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hồ Hữu T. Về con chung giao anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hồ Nguyễn Thanh T1, giao chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hồ Nguyễn Thanh T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ghi nhận việc anh T tự nguyện giao cho chị P 35.000.000đ (1/2 giá trị tài sản chung)..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hồ Hữu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh T và chị P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau, anh T và chị P ly thân từ năm 2021 cho đến nay, mặt khác tại phiên hòa giải ngày 05/8/2022 chị P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống được, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hồ Nguyễn Thanh T1 hiện đang sống ổn định với anh T, nguyện vọng của cháu Trúc muốn sống chung với anh T. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao cháu Trúc cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật. Đối với cháu Hồ Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 09/11/2018 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ do vậy cần giao cháu Tâm cho chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[4] Xét việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh T và chị P không có yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của anh T và chị P không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của luật. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, anh T và chị P có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: anh T và chị P thống nhất là 70.000đ, anh T sẽ giao cho chị P $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 35.000.000đ. Xét sự thỏa thuận của anh T và chị P là tự nguyện không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của luật, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nợ chung: anh T và chị P trình bày không có, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh T phải chịu 300.000 đồng án

phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T và chị P mỗi người phải chịu 875.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 28,35, 39, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào các Điều 357 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử :

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hồ Hữu T.
Anh Hồ Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu P.

2/ Về con chung:

Giao cháu Hồ Nguyễn Thanh T1 sinh ngày 29/10/2010 cho anh Hồ Hữu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thu P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Hồ Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 09/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Thu P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Hồ Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và chị P được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Anh Hồ Hữu T có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Thu P 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

4/ Về án phí:

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, anh đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020341 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành chuyển thành án phí. Anh T phải chịu 875.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị P phải chịu 875.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ